

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM8 Môn thi: EXB Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
1	13120482	Nguyễn Thị Vy	Nữ	19/06/1994	Quảng Nam	EX3	
2	13126412	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nam	03/01/1995		EX3	
3	14125535	Lê Thị Như ý	Nữ	15/05/1996		EX3	

Số học viên theo danh sách: 3

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM6 Môn thi: EXB Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
1	13116004	Đinh Bã	ái	Nam	28/10/1995	Bình Định	EX2
2	13121015	Trần Thị Ngọc	ảnh	Nữ	12/04/1995		EX2
3	13125071	Trần Thị Kim	Dung	Nữ	25/10/1995		EX2
4	12112102	Phạm Trung	Dững	Nam	21/06/1994	Tiền Giang	EX2
5	15125042	Ngô Thị Mỹ	Duyên	Nữ	15/05/1997		EX2
6	13114339	Lê Thị	Hằng	Nữ	02/08/1995		EX2
7	15422015	Nguyễn Thị	Hã	Nữ	21/08/1993	Hà Tĩnh	EX2
8	13116374	Đặng Thị Hồng	Hải	Nữ	29/09/1995	Bình Thuận	EX2
9	12112274	Lê Thái	Hiệp	Nam	02/06/1994	Bình Định	EX2
10	13113357	Trần Thế	Hữu	Nam	21/09/1993		EX2
11	15113050	Phạm Thanh	Huy	Nam	29/10/1997		EX2
12	13116087	Lê Văn Trường	Kha	Nam	02/07/1995	Bến Tre	EX2
13	15116068	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	20/06/1997		EX2
14	14154112	Nguyễn Hoảng	Khương	Nam	12/11/1995		EX2
15	13122076	Nguyễn Bùi Mỹ	Linh	Nữ	06/04/1995		EX2
16	15422026	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	10/10/1992		EX2
17	15125103	Đồng Thị Hạnh	Linh	Nữ	08/09/1997		EX2
18	14154037	Hoàng Văn	Nam	Nam	18/01/1996		EX2
19	14155028	Võ Trí	Nam	Nam	15/12/1996		EX2
20	13155173	Kiều Lê Kim	Ngân	Nữ	04/05/1995	Tp.Hồ Chí Minh	EX2
21	13125328	Nguyễn Khắc	Nhận	Nam	10/09/1995	Đồng Tháp	EX2
22	14124213	Ngũ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	30/06/1996		EX2
23	14154014	Đoàn Minh	Độ	Nam	29/02/1996		EX2
24	14154131	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	03/10/1996		EX2
25	13125378	Huỳnh Trần	Phú	Nữ	02/06/1995	Tiền Giang	EX2
26	11161049	Nguyễn Minh	Sang	Nam	21/02/1993	Khánh Hòa	EX2
27	14154052	Lê Cao	Thắng	Nam	04/05/1996		EX2
28	13116197	Nguyễn Phú	Thái	Nữ	21/06/1995	Ninh Thuận	EX2
29	15139123	Nguyễn Minh	Thức	Nam	04/11/1997	Tiền Giang	EX2
30	15139128	Đỗ Ngọc	Trâm	Nữ	14/05/1997		EX2
31	14124365	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	22/05/1996		EX2
32	13114539	Nguyễn Thị Bảo	Trang	Nữ	05/02/1995		EX2
33	13116741	Lương Đức	Trọng	Nam	16/04/1994	Bình Định	EX2
34	14131203	Bùi Anh	Tuấn	Nam	02/06/1996		EX2
35	13116764	Trần Thanh	Tùng	Nam	04/08/1995	Trà Vinh	EX2

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM6 Môn thi: EXB Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
36	15113140	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	Nữ	05/11/1997		EX2	
37	14124420	Võ Thị Tuyết	Vân	Nữ	03/06/1996		EX2	
38	13125646	Lê Hạ	Vĩ	Nữ	09/03/1995	Tp.HCM	EX2	
39	11172277	Nguyễn Võ Hoàng	Vũ	Nam	18/03/1993	Quảng Ngãi	EX2	
40	13116787	Lê Văn	Xin	Nam	28/04/1995	Tiền Giang	EX2	

Số học viên theo danh sách: 40

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM9 Môn thi: MAP Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
1	11135032	Nguyễn Công	Anh	Nam	28/03/1993	Đồng Nai	MAP1	
2	13162015	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	20/11/1995		MAP1	
3	11151024	Nguyễn Thị Thu	Cúc	Nữ	01/10/1993	TP.HCM	MAP1	
4	12124110	Lê Quốc	Dũng	Nam	03/11/1994	Nghệ An	MAP1	
5	13333152	Huỳnh Thị Khánh	Hiền	Nữ	12/08/1995		MAP1	
6	13333163	Nguyễn Thị Kim	Hoa	Nữ	04/06/1995		MAP1	
7	13333197	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/10/1995		MAP1	
8	13333201	Nguyễn Văn	Huỳnh	Nam	05/12/1994		MAP1	
9	13124159	Nguyễn Quang	Khải	Nam	14/05/1995	Gia Lai	MAP1	
10	10135050	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	28/06/1992	Tp. HCM	MAP1	
11	13333241	Nguyễn Thị Hải	Lam	Nữ	06/10/1995		MAP1	
12	13333243	Nguyễn Nữ Phương	Lan	Nữ	15/09/1995		MAP1	
13	13333267	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	28/02/1995		MAP1	
14	13333275	Võ Trần Phương	Linh	Nữ	30/12/1995		MAP1	
15	13162002	Trương Thanh	Long	Nam	24/05/1995		MAP1	
16	13124214	Hồ Thị Mi	Mi	Nam	10/10/1995	Lâm Đồng	MAP1	
17	13124222	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	05/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	MAP1	
18	13333318	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	10/08/1995		MAP1	
19	13333331	Trần Thị Bích	Ngân	Nữ	21/06/1994		MAP1	
20	13333341	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	19/03/1994		MAP1	
21	11151006	Huỳnh Tấn	Phong	Nam	12/09/1993	Sông Bé	MAP1	
22	13124330	Nguyễn Văn	Tân	Nữ	01/04/1993	Hải Dương	MAP1	
23	13162083	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	06/04/1994	Vinh Long	MAP1	
24	13333528	Huỳnh Thị Diễm	Thủy	Nữ	30/05/1995		MAP1	
25	12124326	Lưu Ngọc Huyền	Trân	Nữ	08/02/1994		MAP1	
26	13162095	Lê Ngọc Huyền	Trang	Nữ	21/09/1994		MAP1	
27	13333562	Nguyễn Thị Mai	Trang	Nữ	25/06/1995		MAP1	
28	13333563	Nguyễn Thị Phương	Trang	Nữ	25/05/1995		MAP1	
29	13333565	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	09/04/1995		MAP1	
30	13333600	Phan Thanh	Trí	Nam	16/10/1995		MAP1	
31	13124708	Đinh Tiến	Tùng	Nam	16/07/1994		MAP1	
32	13333631	Hoàng Minh Cẩm	Tú	Nữ	03/05/1995		MAP1	
33	13333620	Lê Thị Mộng	Tuyền	Nữ	01/04/1995		MAP1	
34	13333628	Trương Thị Mộng	Tuyết	Nữ	22/10/1994		MAP1	
35	13333675	Trần Ngọc Như	ý	Nữ	24/03/1995		MAP1	

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM9 Môn thi: MAP Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
36	13333134	Phan Thành	Hải	Nam	29/06/1995		MAP2	
37	13124110	Võ Thị Diệu	Hiền	Nữ	04/05/1995	Bình Phước	MAP2	

Số học viên theo danh sách: 37

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM10 Môn thi: MAP Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
1	12333097	Huỳnh Hữu	Hiển	Nam	03/12/1994		MAP2	
2	12333004	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	20/09/1994		MAP2	
3	10135039	Phạm Thị	Hoài	Nữ	13/10/1992	Nghệ An	MAP2	
4	13124167	Hồ Tuấn	Kiệt	Nam	07/11/1995	Đồng Tháp	MAP2	
5	13124175	Nguyễn Thị ái	Lâm	Nữ	12/03/1994	Hậu Giang	MAP2	
6	13333271	Trịnh Thị Nhật	Linh	Nữ	22/08/1994		MAP2	
7	10135062	Lục Cao	Minh	Nam	07/10/1992	Sông Bề	MAP2	
8	13124228	Phạm Hoàng Kiều	Ngân	Nam	20/06/1995	TP. Hồ Chí Minh	MAP2	
9	13333336	Trần Hồ Hữu	Nghĩa	Nam	12/08/1995		MAP2	
10	12333178	Cái Thành	Nhân	Nam	11/01/1993	Long An	MAP2	
11	13333421	Phạm Hữu	Phượng	Nam	10/02/1995		MAP2	
12	13333412	Nguyễn Kim	Phụng	Nữ	29/05/1994		MAP2	
13	12124408	Thị Văn	Quỳnh	Nam	20/04/1993	Bình Thuận	MAP2	
14	13333468	Nguyễn Quý	Tấn	Nam	30/04/1993		MAP2	
15	12124442	Phạm Tiến	Thắng	Nam	12/12/1994		MAP2	
16	13333469	Lê Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	07/11/1995		MAP2	
17	12333427	Phan Ngọc Đan	Thanh	Nữ	28/07/1994		MAP2	
18	13333476	Nguyễn Quang	Thành	Nam	20/09/1995	Gia Lai	MAP2	
19	13124347	Lương Hồng	Thảo	Nữ	03/08/1995	Gia Lai	MAP2	
20	13124383	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/08/1995	Đăk Nông	MAP2	
21	13333534	Phạm Thị Thu	Thúy	Nữ	10/11/1995		MAP2	
22	13162096	Nguyễn Thị Thanh	Trầm	Nữ	19/04/1995	Ninh Thuận	MAP2	
23	12124331	Đỗ Minh	Trí	Nam	29/05/1994		MAP2	
24	12333454	Lê Thị Kiều	Trinh	Nữ	02/11/1993		MAP2	
25	12124389	Nguyễn Châu Quỳnh	Trọng	Nữ	13/10/1994	Bình Định	MAP2	
26	12124347	Trần Thanh	Vân	Nữ	16/12/1994	Đồng Nai	MAP2	
27	12124353	Võ Anh	Vũ	Nam	12/12/1994	Lâm Đồng	MAP2	
28	13124484	Dương Thị Thúy	Vy	Nữ	23/09/1995	Đồng Nai	MAP2	
29	12124360	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	27/03/1994	Long An	MAP2	
30	13124498	Huỳnh Ngọc Như	ỹ	Nữ	10/08/1995	Đồng Nai	MAP2	
31	13124066	Võ Công	Đoan				Thi lại	
32	13124355	Trần Thị Thu	Thảo				Thi lại	
33	13124385	Khúc Linh	Thụy				Thi lại	

Số học viên theo danh sách: 33

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K150/ Đợt thi: 01

Ca thi: 05 Phòng máy: PM10 Môn thi: THVP Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
1	13153002	Kim Thanh	Bạch	Nam	11/03/1995	Sóc Trăng	OP1_1	
2	12112262	Trương Thanh	Bình	Nam	01/06/1994	Bình Định	OP1_1	
3	12128015	Châu Huyền Linh	Chi	Nữ	14/10/1994	Đồng Nai	OP1_1	
4	12112102	Phạm Trung	Dũng	Nam	21/06/1994	Tiền Giang	OP1_1	
5	13116334	Hà Quang	Duy	Nam	07/05/1994	Bình Dương	OP1_1	
6	13149059	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	10/11/1994	Ninh Thuận	OP1_1	
7	13124111	Hoàng Lê Trung	Hiếu	Nữ	28/02/1995	Quảng Ngãi	OP1_1	
8	12153174	Nguyễn Khắc	Hòa	Nam	28/04/1994		OP1_1	
9	12111143	Huỳnh Phương	Khánh	Nữ	11/03/1994	Bình Thuận	OP1_1	
10	13149687	Phan Ng. Thị Hồng	Kỳ	Nữ	25/09/1995		OP1_1	
11	13125232	Nguyễn Mai Tuyết	Lê	Nữ	03/09/1995	Bình Thuận	OP1_1	
12	13124181	Hồ Hữu Lưu	Linh	Nam	24/09/1995	Đồng Nai	OP1_1	
13	13128068	Lâm Phước	Lộc	Nam	28/02/1995	Tp.HCM	OP1_1	
14	13123031	Phạm Thị Hồng	Đào	Nữ	15/01/1995	Vũng Tàu	OP1_1	
15	13111590	Cao Khánh	Ngọc	Nữ	31/01/1994	Bến Tre	OP1_1	
16	13128096	Nguyễn Thị Bích	Phê	Nữ	18/03/1995	Phú Yên	OP1_1	
17	12128111	Trần Duy	Phương	Nam	11/01/1993	Cần Thơ	OP1_1	
18	13120373	Mai Đăng	Thành	Nam	02/08/1994	Thanh Hoá	OP1_1	
19	12153081	Trần Đặng Thông	Thái	Nam	19/07/1992	Tp.HCM	OP1_1	
20	13116196	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	14/01/1995	Quảng Bình	OP1_1	
21	13162087	Nguyễn Thị	Thêm	Nữ	29/10/1995	Đồng Tháp	OP1_1	
22	13123145	Hồ Thị Ngọc	Thị	Nữ	22/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	OP1_1	
23	12149446	Lâm Phúc	Thịnh	Nam	13/1/1994		OP1_1	
24	13128160	Lê Nguyễn Mỹ	Trang	Nữ	01/01/1994	Bình Dương	OP1_1	
25	13115442	Võ Công	Trình	Nam	22/01/1995	Bình Dương	OP1_1	
26	11154053	Huỳnh Thanh	Tùng	Nam	15/01/1993	Tiền Giang	OP1_1	
27	13122213	Phạm Xuân	Tùng	Nam	17/08/1985		OP1_1	
28	13124487	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	06/12/1995	Vĩnh Long	OP1_1	
29	12162069	Nguyễn Thị Bảo	Xuyên	Nữ	21/01/1994	Bình Định	OP1_1	

Số học viên theo danh sách: 29

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Điểm thi: 51

Ca thi: 06**Phòng máy: PM5**

Môn thi: EXB

Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
1	14120083	Trương Thị Mộng	Cầm	Nữ	02/05/1996		EX1	
2	13116019	Phạm Quốc	Cường	Nữ	05/05/1995	Bình Định	EX1	
3	14124033	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	03/10/1996		EX1	
4	15125051	Nguyễn Trường	Giang	Nam	31/08/1997		EX1	
5	13363081	Nguyễn Thị Như	Hậu	Nữ	07/09/1995		EX1	
6	11122068	Chu Thị Minh	Hằng	Nữ	05/08/1993	TP Hồ Chí Minh	EX1	
7	13116401	Nguyễn Quốc	Hoàng	Nam	09/09/1995	Thừa Thiên Huế	EX1	
8	14114048	Đinh Thị Thùy	Hương	Nữ	12/06/1996		EX1	
9	13111248	Võ Thanh	Huy	Nam	06/11/1993	Quảng Nam	EX1	
10	13116423	Vạn Ngọc	Huỳnh	Nam	04/11/1995	Ninh Thuận	EX1	
11	13116105	Nguyễn Văn	Kỷ	Nam	09/12/1995	Long An	EX1	
12	14124133	Trương Quế	Linh	Nữ	19/01/1994		EX1	
13	13116111	Nguyễn Đình	Long	Nam	09/01/1995	Bình Định	EX1	
14	13122329	Đỗ Vũ Quỳnh	Mai	Nữ	10/07/1995	Đồng Nai	EX1	
15	13111317	Huỳnh Nhật	Minh	Nam	22/10/1995	Gia Lai	EX1	
16	14124156	Nguyễn Thị Ngọc	My	Nữ	09/02/1996		EX1	
17	14120009	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	15/09/1996		EX1	
18	14163153	Trần Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	06/07/1996	Gia Lai	EX1	
19	15125131	Đỗ Thị Kim	Ngân	Nữ	27/01/1997		EX1	
20	13121104	Hồ Thị Hồng	Nghi	Nữ	20/10/1995		EX1	
21	13126204	Lê Hoàng Yến	Nhi	Nữ	02/12/1995	Phú Yên	EX1	
22	13336115	Trần Thị Yến	Ny	Nữ	02/10/1993	Tiền Giang	EX1	
23	12125090	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	05/08/1994		EX1	
24	13116163	Lê Thành	Phước	Nam	08/08/1992	Bà Rịa Vũng Tàu	EX1	
25	13122132	Hoàng Minh	Quân	Nam	10/09/1994	Đồng Nai	EX1	
26	13111409	Võ Vinh	Sang	Nam	15/06/1995	Tây Ninh	EX1	
27	14124280	Nguyễn Thị	Sự	Nữ	12/09/1996		EX1	
28	14127113	Huỳnh Công	Thành	Nam	11/11/1996	Cần Thơ	EX1	
29	13116639	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	05/02/1995	Bến Tre	EX1	
30	14127121	Trần Thanh	Thiện	Nam	28/09/1996	Bình Dương	EX1	
31	15124294	Đinh Thị Thu	Thương	Nữ	09/08/1997		EX1	
32	14124327	Đinh Thị Văn	Thùy	Nữ	28/08/1996		EX1	
33	13122177	Trần Thị Mai	Thy	Nữ	25/04/1995		EX1	
34	13122409	Tạ Thị Thủy	Tiên	Nữ	19/02/1995		EX1	
35	13126428	Đổng Bá	Tước	Nam	28/02/1994		EX1	

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM5 Môn thi: EXB Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
36	15125259	Lê Đặng Thùy	Trang	Nữ	10/12/1997		EX1	
37	13139198	Võ Văn	Trọng	Nam	10/01/1995		EX1	
38	13111534	Nguyễn Chí	Trung	Nam	15/02/1995	Long An	EX1	
39	13114558	Phan Tấn Minh	Tùng	Nam	22/02/1995		EX1	
40	14127156	Phan Ngọc	Vỹ	Nam	10/01/1996		EX1	

Số học viên theo danh sách: 40

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM7 Môn thi: EXB Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
1	13155319	Trương Đình Như ý	Nữ	12/08/1995	Vũng Tàu	EX2	
2	13155079	Hoàng Nam Dương	Nam	09/07/1995	Nghệ An	EX3	
3	14131040	Dương Thị Ngọc Giàu	Nữ	10/06/1996		EX3	
4	13112072	Đàm Thị Thúy Hằng	Nam	02/06/1995	Gia Lai	EX3	
5	13116385	Nông Thị Lệ Hằng	Nữ	13/05/1994	Lâm Đồng	EX3	
6	14124074	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	03/05/1996		EX3	
7	13116803	Trần Thị Thúy Hằng	Nam	19/08/1995	Bình Định	EX3	
8	14117026	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	18/08/1996		EX3	
9	13112099	Lê Thị Hưng	Nữ	09/11/1995		EX3	
10	13122288	Bùi Trần Hòa	Nam	16/06/1995	Khánh Hòa	EX3	
11	13126422	K' Nựp	Nam	24/04/1993		EX3	
12	13120052	Phạm Đăng Khoa	Nam	07/09/1995	TP. HCM	EX3	
13	13116445	Huỳnh Hoàng Khương	Nam	30/09/1995	Cà Mau	EX3	
14	13120255	Dương Hoàng Kim	Nữ	26/12/1995	Bình Dương	EX3	
15	14112163	Vũ Thị Mỹ Linh	Nữ	19/08/1996		EX3	
16	13113310	Thạch Mol	Nam	14/05/1992	Sóc Trang	EX3	
17	13116125	Trần Thị Diễm My	Nữ	19/05/1995	An Giang	EX3	
18	13125305	Huỳnh Kim Ngân	Nữ	17/10/1995	An Giang	EX3	
19	14125273	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	05/05/1996		EX3	
20	14131116	Trần Thị Xuân Nguyệt	Nữ	18/02/1996		EX3	
21	13116530	Phạm Thị Huỳnh Nhi	Nữ	20/01/1995	Bình Định	EX3	
22	15125033	Phan Thị Hà Đoan	Nữ	01/01/1997		EX3	
23	14120039	Cao Thị Minh Phương	Nữ	02/07/1996		EX3	
24	14120040	Mai Thu Phương	Nữ	03/01/1996		EX3	
25	13112245	Lê Thị Diễm Quyên	Nữ	/ /1995	Đồng Tháp	EX3	
26	13125750	Lê Thị Mỹ Sen	Nữ	26/08/1994		EX3	
27	14123074	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Nữ	20/02/1996		EX3	
28	13116185	Phan Xuân Tánh	Nữ	18/08/1995	Bình Định	EX3	
29	13125445	Hàn Thị Thanh Thảo	Nữ	/10/1995	Thanh Hóa	EX3	
30	13126280	Đặng Trúc Thảo	Nam	20/09/1995		EX3	
31	14125379	Võ Minh Thảo	Nam	02/03/1996		EX3	
32	14120049	Bùi Quang Thiện	Nam	28/09/1995		EX3	
33	14125416	Hồ Anh Thư	Nữ	02/10/1996		EX3	
34	14114121	Vũ Thị Thu	Nữ	17/10/1996	Tây Ninh	EX3	
35	14111224	Ka Thuyền	Nữ	01/09/1995		EX3	

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC KHÓA K149/ Đợt thi: 51

Ca thi: 06 Phòng máy: PM7 Môn thi: EXB Giờ thi:, ngày thi: 28/05/2017

STT	Mã SV	Họ và tên		Phái	N. Sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
36	13116269	Nguyễn Thị	Tĩnh	Nữ	01/08/1992	Bình Thuận	EX3	
37	13116708	Hồ Thị Bảo	Trang	Nữ	19/02/1995	Bình Định	EX3	
38	15122261	Đặng Tố	Uyên	Nữ	15/09/1997		EX3	
39	14120067	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	29/11/1996		EX3	
40	14111213	Lê Viết	Viên	Nam	13/05/1996		EX3	

Số học viên theo danh sách: 40

TRUNG TÂM TIN HỌC